

Unit1 FRIENDSHIP

B. Speaking (Trang 15-16-17 SGK Tiếng Anh 11)

Task 1. Work in pairs. Look at the people below and describe their physical characteristics. (*Làm việc theo cặp. Nhìn những người dưới đây và mô tả những đặc điểm thể chất của họ.*)

Gợi ý:

A: Can you describe the man in the picture?

B: The man is tall. He has a square face, with a broad forehead yellow hair and a crooked nose. He is wearing sport. He is quite good looking.

A: Can you describe the woman in the picture?

B: The woman is about 24. She is wearing dress, she has shoulder-length black hair. She has an oval face with a straight nose, a broad forehead and black eyes. She is quite pretty.

A: Can you describe the boy in the picture?

B: He may be short-sighted. He has short black hair, round face, broad forehead, small nose. He is quite good-looking.

Task 2. Work in groups. Discuss and number the following personalities in order of importance in friendship. Report your results to the class. (*Làm việc nhóm. Thảo luận và đánh số những đức tính theo tầm quan trọng trong tình bạn. Trình thuật kết quả của bạn trước lớp.*)

Gợi ý:

Thứ tự:

1. caring: chu đáo	2. honest: trung thực
--------------------	-----------------------

3. generous: rộng lượng	4. modest: khiêm tốn				
5. sincere: chân thành	6. hospitable: hiếu khách				
7. understanding: thông cảm	8. helpful: giúp đỡ				
<p>9. pleasant: thân mật, vui vẻ</p> <p>- My group thinks that being caring is the most important in friendship because when caring about each other, they will share happiness or difficulty with their friends</p> <p>Task3. <i>Role-play:</i> Talk about a famous friend. (<i>Đóng vai: Nói về một người bạn nổi tiếng.</i>)</p> <p>Hướng dẫn dịch:</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Nhà báo</th><th>Người được phỏng vấn</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Bạn đang phỏng vấn một người về người bạn đã giành giải nhất môn Toán quốc tế của bạn ấy.</td><td>Em có một người bạn mà em rất thích. Người bạn ấy vừa đạt giải nhất môn Toán quốc tế. Một nhà báo đang phỏng vấn em về người bạn ấy.</td></tr> </tbody> </table> <p>Gợi ý:</p> <p>Journalist: What's your friend's name?</p> <p>Interviewee: He's Nam</p> <p>Journalist: When was he born?</p> <p>Interviewee: He was born in 1998.</p>		Nhà báo	Người được phỏng vấn	Bạn đang phỏng vấn một người về người bạn đã giành giải nhất môn Toán quốc tế của bạn ấy.	Em có một người bạn mà em rất thích. Người bạn ấy vừa đạt giải nhất môn Toán quốc tế. Một nhà báo đang phỏng vấn em về người bạn ấy.
Nhà báo	Người được phỏng vấn				
Bạn đang phỏng vấn một người về người bạn đã giành giải nhất môn Toán quốc tế của bạn ấy.	Em có một người bạn mà em rất thích. Người bạn ấy vừa đạt giải nhất môn Toán quốc tế. Một nhà báo đang phỏng vấn em về người bạn ấy.				

Journalist: What does he look like?

Interviewee: He's tall. He has a square face with a broad forehead. He's good-looking.

Journalist: What are his hobbies?

Interviewee: He likes doing Mathematics.

Journalist: Is he friendly?

Interviewee: Yes. He's caring, helpful to everybody

C. Listening (Trang 17-18 SGK Tiếng Anh 11)

Before you listen (*Trước khi bạn nghe*)

- **Work in pairs.** Ask and answer the following questions. (*Làm việc theo cặp. Hỏi và trả lời các câu hỏi sau.*)

1. Who is your best friend? (*Người bạn thân nhất của bạn là ai?*)

=> My best friend is

2. How did you happen to meet him or her? (*Làm thế nào bạn gặp bạn ấy?*)

=> I met him/her when I

3. How long have you known each other? (*Các bạn biết nhau được bao lâu rồi?*)

=> We have known each other for... /since...

4. What qualities do you admire in your best friend? (*Bạn cảm phục phẩm chất gì ở người bạn của mình?*)

=> I admire him/ her because he/ she is helpful, unselfish, truthful, reliable, ..

- *Listen and repeat.*

apartment building: nhà chung cư

guitarist: người chơi đàn ghi ta

sense of humour: tính hài hước

While you listen (*Trong khi bạn nghe*)

You will hear Lan and Long talk about their best friends. Listen to (Bạn sẽ nghe Lan và Long nói về những người bạn tốt nhất của họ. Hãy nghe cuộc nói chuyện của họ và sau đó làm các bài tập theo sau.)

Task 1. Listen and decide whether the statements are true (T) or false (F). (*Hãy nghe và xác định xem các câu sau là đúng (T) hay sai (F).*)

Gợi ý:

Lan's Talk

1. F	2. F	3. T	4. F	5. T	6. F
------	------	------	------	------	------

Long's Talk

1. F	2. F	3. T	4. T	5. T
	How and where they met	What they like about their friends		
Lan	<ul style="list-style-type: none">- They used to live in the same residential area in Hanoi.- Lan went on a holiday to Do Son and Ha went there to	<ul style="list-style-type: none">- Ha's very friendly and helpful.- Ha's sociable. She's got many friends in Do Son and she introduced Lan around.		

	visit her.	
Long	<ul style="list-style-type: none"> - They met in college. - Minh played the guitar. Long was a singer. - They worked together. 	<ul style="list-style-type: none"> - Minh has a sense of humour. - Minh likes to go to plass and movies. - Mirth is a good listener. - Minh is friendly and helpful.

Tapescript - Nội dung bài nghe

Lan's Talk

My best friend is Ha. We've been friends for a long time. We used to live in Nguyen Cong Tru Residential Area in Hanoi. Her family moved to Haiphong in 1985. It is said that Haiphong people are cold, but Ha is really, really friendly. I first started to get to know her when I was going on a two-day trip to Do Son last year and I didn't know anybody there. I gave Ha a ring and she was so friendly, she said, "Oh, I'll come to visit you." So she rode on her motorbike to Do Son and twenty minutes later she was there. She stayed with me for two days. She happened to know a lot of people there, so she introduced me around, and we've been best friends ever since.

Long's Talk

My best friend is Minh. We met in college. I was there singing and Minh was a guitarist. So we worked together a lot. Minh has a great sense of humour, he's very, very funny, and that's one of my favourite things about him. And over the years, we have been through good times and bad times with each other, and that's one of the things I like best about him. And we have a lot of the same interests. We like to go plays and movies together. But when we're going through a rough time, he's really a good friend, and he's a very good listener, and he always helped me through.

Hướng dẫn dịch:

Bài nói của Lan

Bạn tốt nhất của tôi là Hà. Chúng tôi làm bạn được một khoảng thời gian dài. Chúng tôi đã từng sống chung ở khu dân cư Nguyễn Công Trứ, Hà Nội. Gia đình của bạn ấy đã chuyển đến Hải Phòng năm 1985. Người ta nói rằng người Hải Phòng lạnh lùng, nhưng Hà thì thật sự thân thiện. Tôi biết bạn ấy trong một chuyến du lịch 2 ngày đến Đồ Sơn năm ngoái và tôi đã không biết bất cứ ai ở đây cả. Tôi đã gọi cho Hà và bạn ấy quá đỗi thân thiện, bạn ấy bảo "Ồ mình sẽ đến thăm bạn."

Vì vậy bạn ấy đi xe máy đến Đồ Sơn và 20 phút sau bạn ấy ở đây. Bạn ấy ở cùng với chúng tôi khoảng 2 ngày. Bạn ấy tình cờ quen biết nhiều người ở đây, vì vậy bạn ấy đã dẫn tôi đi xung quanh để giới thiệu, và chúng tôi làm bạn từ đó.

Bài nói của Long

Bạn tốt nhất của tôi là Minh. Chúng tôi gặp nhau lúc học đại học. Ở đây tôi hát và Minh là người chơi đàn ghi ta. Vì vậy chúng tôi làm việc cùng nhau rất nhiều. Minh rất vui tính và hài hước, và đó là một trong những điều tôi thích ở bạn ấy. Năm tháng trôi qua chúng tôi cùng nhau trải qua những lúc vui buồn, và đó là một trong những điều tôi thích nhất về bạn ấy. Và chúng tôi có nhiều sở thích giống nhau. Chúng tôi thích cùng nhau đi xem phim và xem kịch. Nhưng khi chúng tôi khó khăn bạn ấy luôn là người bạn tốt, luôn là người biết lắng nghe và giúp đỡ tôi vượt qua khó khăn.

EXERCISE 1 : Supply the correct form of the verb in brackets :

1. I didn't have enough time (finish) __to finish_____ my work yesterday .
2. She made her son (wash)__wash_____ the windows before he could go outside (play) __to play_____ with his friends .
3. She lets her children (stay) __stay_____ up very late .
4. We both heard him (say) _say_____ that he was leaving .
5. It's important (start) __to start_____ the meeting on time .
6. There are too many people here for me (talk) _to talk_____ to all of them .
7. It took ages (download) __to dowload_____ the pictures from the Internet .
8. She sent me an e-mail (inform) _to inform_____ me that the meeting had been canceled ..
9. He made me (do) _do_____ it all over .
10. She can (sing) ____sing_____ quite well .

EXERCISE 4 : Rewrite the sentence or join the pairs of sentences beginning with the words given :

1. He worked out the answer. It was clever of him.
It was clever of him to work out the answer.
2. Marie always pays her bills regularly. She's careful that way.
Marie is always careful of paying her bills regularly.

3. He was crossing the road. I caught sight of him.
I noticed him crossing the road.
4. When we finally heard that David had arrived, we were very relieved.
We were relieved to hear that David had arrived.
5. Why have you thrown up your job? You're mad.
You are mad to throw up your job.
6. Jimmy got into his car and drove away. I saw this.
I saw Jimmy get into his car and drive away.
7. It is disappointing that we haven't heard from Molly.
We are disappointed not to hear from Molly.
8. Contacting her at work is usually quite easy.
She is usually quite easy to contact at work.
9. The house shook violently and all of us felt that.
All of us felt the house shaking violently.
10. Can you sign the papers please? They are ready now.
The papers are ready for you to sign.

Unit 2: Personal Experiences

A. Reading (Trang 22-23-24-25 SGK Tiếng Anh 11)

Before you read (*Trước khi bạn đọc*)

Work in pairs. Look at the pictures below and guess what is happening in the each of them. (*Làm việc theo cặp. Nhìn vào các hình dưới đây và đoán những gì đang xảy ra ở mỗi hình.*)

Gợi ý:

- a) A man is pointing at a bank-note, saying something.
- b) A man is giving a girl some money to buy a hat.
- c) A girl is holding a bank-note, thinking about something.

d) A girl is watching TV, on which a woman is wearing the hat she likes.

e) A girl is at the hatter and buy a hat.

f) A girl is stealing something in boy's bag.

II. While you read

MY MOST EMBARRASSING EXPERIENCE

My most embarrassing experience happened a few years ago. when I was a grade 9 student. In those days, my biggest dream was a red hat - a floppy cotton hat like the one my pop star idol wore in her video clip. I thought I would look great in it.

My father knew this, so on my birthday he gave me some money so that I could buy the hat for myself. I was extremely excited and decided to go to the shop at once. I got on the bus and sat down next to a schoolboy about my age. The boy glanced at me and turned away. There was a sneaky look on his face, but I didn't think much about it. I was busy imagining how I would look in the hat. After a while, I turned round and noticed that the boy's schoolbag was open. Inside it, I saw a wad of dollar notes exactly like the ones my father had given me. I quickly looked into my own bag - the notes had gone! I was sure that the boy was a thief. He had stolen my money. I didn't want to make a fuss, so I decided just to take my money back from the schoolboy's bag, without saying a word about it. So I carefully put my hand into the boy's bag, took the notes and put them in my own bag.

With the money I bought the pretty hat of my dreams. When I got home, I showed it to my father.

"How did you pay for it?" he asked.

"With the money you gave me for my birthday, of course. Dad," I replied.

"Oh? What's that then?" he asked, as he pointed to a wad of dollar notes on the table.

Bạn có tưởng tượng được lúc ấy tôi cảm thấy thế nào không?

Hướng dẫn dịch:

Điều xấu hổ nhất của tôi

Kỉ niệm đáng xấu hổ nhất của tôi xảy ra cách đây vài năm, khi tôi còn là một học sinh lớp 9. Lúc ấy ước mơ lớn nhất của tôi là cái mũ đỏ - một cái mũ bằng vải cotton mềm giống như cái mũ mà ngôi sao nhạc pop thần tượng của tôi đã đội trong video clip. Tôi nghĩ mình sẽ trông rất tuyệt khi đội mũ ấy.

Bố tôi biết điều đó, nên vào ngày sinh nhật của tôi bố cho tôi một món tiền để tôi mua chiếc mũ ấy cho mình. Tôi rất náo nức nên quyết định đến ngay cửa hàng. Tôi lên xe buýt và ngồi cạnh một nam sinh trạc bằng tuổi tôi. Cậu trai liếc nhìn tôi rồi quay đi. Có một vẻ lén lút trên nét mặt của cậu, nhưng tôi không để ý nhiều. Tôi bận rộn tưởng tượng mình sẽ ra sao với chiếc mũ ấy. Sau một lúc, tôi quay lại và thấy cặp táp của cậu ấy mở ra. Bên trong là một xấp tiền giống hệt xấp tiền mà bố tôi đã cho. Tôi nhìn ngay vào túi xách của mình - xấp tiền đã mất! Tôi chắc cậu ấy là tên trộm. Không muốn làm ầm ĩ, nên tôi quyết định lấy lại số tiền đó từ túi xách của hắn ta và không nói gì cả. Vì vậy tôi cẩn thận đưa tay vào túi xách của hắn, lấy xấp tiền và để vào túi xách của mình.

Với số tiền ấy tôi mua chiếc mũ xinh xắn trong mơ của tôi. Khi về đến nhà tôi lấy ra khoe với bố tôi.

"Con lấy gì để trả tiền cho chiếc mũ đó?" bố tôi hỏi.

"Tất nhiên là bằng số tiền mà bố cho con mừng sinh nhật đấy ạ", tôi trả lời.

"Ồ, vậy cái này là gì đây?", bố tôi hỏi và chỉ vào xấp tiền trên bàn.

Bạn có tưởng tượng được lúc ấy tôi cảm thấy thế nào không?

Task 1. The words/phrases in the box all appear in the passage. Use them to fill in the blanks in the sentences. (*Tất cả các từ/ cụm từ trong khung đều xuất hiện ở đoạn văn. Sử dụng chúng để điền vào chỗ ở trong các câu.*)

Gợi ý:

1. glanced	2. making a fuss	3. embarrassing	4. idols	5. sneaky
------------	------------------	-----------------	----------	-----------

Task 3. Answer the questions. (*Trả lời các câu hỏi.*)

1. What did the girl wish to have when she was in grade 9? (*Cô gái ước muốn có thứ gì khi cô ấy học lớp 9?*)

=> She wanted to have a red hat - a floppy cotton hat like the one her pop star idol wore in her video clip.

2. Why did her father give her some money on her birthday? (*Tại sao bố cô ấy cho cô ấy tiền vào ngày sinh nhật của cô?*)

=> Her father gave her some money so that she could buy the hat she dreamt of.

3. What did she see the boy's bag? (*Cô ấy thấy gì trong túi xách của cậu bé?*)

=> She saw a wad of dollar notes exactly like the ones her father had give her.

4. Why did she decide to take the money from the boy's bag without saying anything about it? (*Tại sao cô quyết định lấy tiền từ trong túi xách của cậu bé mà không nói gì cả?*)

=> Because she was sure that the boy was a thief and he had stolen her money and she didn't want to make a fuss.

5. What did she do with the money? (*Cô ấy đã làm gì với số tiền đó?*)

=> She bought the pretty hat of her dream.

After you read (*Sau khi bạn đọc*)

Work in groups. Discuss the question: What do you think the girl had to do after she discovered that the money she had taken from the boy's bag was not hers? (*Làm việc nhóm. Thảo luận câu hỏi: Em nghĩ cô gái phải làm gì sau khi cô khám phá ra rằng tiền mà cô lấy ở cặp của cậu bé không phải là tiền của cô.*)

Gợi ý:

- Perhaps the girl might want to tell her father the truth and ask him for help.
- She might feel embarrassed because that was not her money.

- Perhaps the girl could place a notice on a local newspaper to apologize the boy and contact him to give the money back.
- Perhaps she should come to the police station, tell the police the truth and ask them for help.
- Maybe the girl should get on the same bus next day and look for the boy to return him the money.